

Phụ lục 2
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ CCHC NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2025)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI

1. Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm quy định về cải cách TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết hồ sơ TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ, Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định, hướng dẫn, chỉ đạo liên quan.

2. Ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2025.

3. Thực hiện đánh giá chất lượng, tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC; công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách TTHC

- Tham mưu công bố danh mục TTHC, TTHC; phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC (nếu có).

- Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết và công khai TTHC.

- Công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính.

- Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định TTHC, công khai kết quả xử lý theo quy định.

- Rà soát, kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa TTHC (Số lượng TTHC được rà soát, số lượng TTHC được phê duyệt, thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa và đánh giá kết quả).

- Kết quả triển khai nhiệm vụ cải cách TTHC theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

- Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa theo Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ (Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần mềm ứng dụng, nhân sự, cơ chế phối hợp, chế độ hỗ trợ cho công chức, viên chức và người lao động).

- Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa.

- Triển khai Bộ nhận diện thương hiệu Bộ phận Một cửa qua Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Số lượng lĩnh vực, TTHC thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Kết quả giải quyết hồ sơ (từ ngày 01/7/2025 đến thời điểm báo cáo): Hồ sơ tiếp nhận; hồ sơ đã giải quyết, gồm đúng hạn và trễ hạn; hồ sơ đang giải quyết, gồm

trong hạn và trễ hạn (*tham khảo mẫu thống kê 6đ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh*).

- Chấp hành quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

- Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo Nghị định số 118/2020/NĐ-CP ngày 09/6/2020 của Chính phủ và Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/04/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

3. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (*Thống kê từ ngày 01/7/2025 đến thời điểm báo cáo*)

a) Hồ sơ TTHC thực hiện trực tuyến qua mạng internet, gồm các nội dung:

- Số lĩnh vực, TTHC được công bố thực hiện;

- Số TTHC phát sinh hồ sơ;

- Số hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ của TTHC công bố thực hiện trực tuyến có phát sinh hồ sơ, tỉ lệ;

- Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến trong thời hạn 08 giờ làm việc theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Hồ sơ TTHC thanh toán trực tuyến, gồm các nội dung:

- Số lĩnh vực, TTHC được công bố thực hiện;

- Số TTHC phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến;

- Số lượng giao dịch và số tiền thanh toán trực tuyến (Công Dịch vụ công quốc gia; Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đã đạt được.

2. Những tồn tại, hạn chế, khó khăn và nguyên nhân.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT (*nêu cụ thể, không ghi chung chung*)

1. Đối với trung ương

2. Đối với UBND tỉnh

3. Đối với các cơ quan có liên quan

VI. CÁC PHỤ LỤC, BIỂU, BẢNG (*thuyết minh, minh họa, giải trình*)

Kèm theo báo cáo các văn bản về chỉ đạo, triển khai công tác CCHC của cơ quan; các tài liệu khác minh họa cho nội dung báo cáo; các bảng tổng hợp số liệu liên quan đến nội dung kiểm tra./.

Cải cách TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được công khai	Thủ tục		
1.2.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương (<i>Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc</i>)	Thủ tục		
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%		
2.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục		
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	= b/a*100	
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	a	
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	b	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	= b/a*100	
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	a	
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	b	
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	= b/a*100	
3.3.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	a	
3.3.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	b	
4	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
4.1.	Tổng số hồ sơ TTHC thực hiện trực tuyến	Hồ sơ		
4.2.	Tổng số hồ sơ TTHC thanh toán trực tuyến	Hồ sơ		